

CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA PHÁP LỆNH BẢO VỆ SỰ TRONG SẠCH CỦA KHÔNG KHÍ KHÍ QUYỀN VÀ NƯỚC THIÊN NHIÊN

KS. NGUYỄN CUNG, KS. AN QUỐC KHÁNH

Trung tâm Môi trường

CV.PC. HỒ MẠNH HÙNG

Văn phòng TCKTTV

Tại phiên họp ngày 6 tháng XII năm 1988, theo đề nghị của Hội đồng Bộ trưởng, Hội đồng Nhà nước đã xem xét và dự kiến chương trình xây dựng pháp luật năm 1989. Về các vấn đề môi trường đã có danh mục các dự thảo luật và pháp lệnh sau đây: Luật bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường, Pháp lệnh bảo vệ tài nguyên khoáng sản, Pháp lệnh bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Trong mấy năm gần đây đã thảo luận, và công bố luật đất đai, Pháp lệnh bảo vệ rừng.

Các văn bản pháp quy này đã bắt đầu đặt cơ sở cho công tác quản lý Nhà nước và đang phát huy hiệu lực.

Cũng như ở hầu hết các nước trên thế giới, sau có luật chung về bảo vệ thiên nhiên, bắt đầu xuất hiện các luật hoặc pháp lệnh về bảo vệ cụ thể các thành phần hoặc yếu tố môi trường.

Dự thảo luật chung về bảo vệ môi trường của nước ta bước đầu có 6 chương và gồm 56 điều. Trong chương II đã dành riêng 3 phần trình bày các điều khoản chung về tài nguyên nước lục địa, tài nguyên và môi trường biển, tài nguyên và môi trường không khí.

Dựa vào các nguyên tắc chung này, học tập thêm kinh nghiệm của các nước, xuất phát từ thực trạng môi trường không khí và nước ở nước ta và các công ước quốc tế có liên quan, chúng tôi thấy ngành Khí tượng Thủy văn cần sớm trình dự thảo luật (hoặc pháp lệnh) bảo vệ sự trong sạch của không khí khí quyển và nước thiên nhiên (kể cả nước mưa, nước sông hồ, hồ chứa và nước biển).

Sau đây là các cơ sở khoa học, cơ sở xã hội học, cơ sở kỹ thuật – kinh tế và cơ sở pháp lý quốc tế của vấn đề.

1. Cơ sở khoa học

Để duy trì sự sống của con người, các sinh vật và bảo tồn các công trình văn hóa – lịch sử, các nước đều có trách nhiệm chung và trách nhiệm quốc gia bảo tồn các mẫu (tiêu chuẩn về chất lượng môi trường) tránh và chống

các nguồn đưa các chất ô nhiễm vào môi trường tự nhiên của nước mình và các nước khác. Ở hầu hết các nước, dựa vào các công trình nghiên cứu khoa học về tiêu chuẩn môi trường quốc tế đã có các hội đồng khoa học về tiêu chuẩn môi trường bao gồm hệ thống các chỉ tiêu vật lý, hóa học, sinh học và lượng thải cho phép của các độc chất vào thiên nhiên sao cho vẫn phát triển nền văn minh mà vẫn bảo tồn được toàn hệ sinh thái.

Cần thống nhất hóa nhiều danh từ, nhiều khái niệm về ô nhiễm, nhiễm bẩn, nhiễm xạ, truyền qua biên giới quốc gia các chất độc hại, các biện pháp phòng chống ô nhiễm, các công tác nghiệp vụ khoa học kỹ thuật về bảo vệ môi trường. Nhiều nghiên cứu này dựa vào lý thuyết của vật lý, hóa học, sinh học, mô hình toán và thực nghiệm, thí nghiệm công phu của các tập thể, các nhà khoa học.

Theo kinh nghiệm của Liên Xô, Mỹ, Tây Đức, Nhật... ở nước ta nên hệ thống hóa và áp dụng khoảng gần chục tiêu chuẩn để đưa vào luật (hoặc pháp lệnh). Chúng tôi đã và đang cùng các ngành thực hiện công việc này trong thời gian gần đây,

Quản lý môi trường là sự hoạt động điều phối của nhiều người, các cơ quan, xí nghiệp, các tổ chức kinh tế, xã hội, các tổ chức quốc tế liên chính phủ, hoặc vùng đều phải do nhà nước điều hành.

Nghị định 246/HĐBT ngày 20 - IX - 1985 đã giao cho Tổng cục KTTV « chịu trách nhiệm quản lý và kiểm soát môi trường không khí và nước ». Đây cũng là một trách nhiệm quốc tế của ngành với tư cách là một thành viên của Tổ chức khí tượng thế giới (WMO).

Cũng như các hoạt động quản lý khác, tất yếu ngành KTTV phải nghiên cứu và trình dự án luật (hoặc pháp lệnh) để thực hiện nhiệm vụ đã được giao từ năm 1985.

3. Cơ sở kỹ thuật và kinh tế

Sau khi có luật, tất yếu phải có cơ quan thanh tra Nhà nước chuyên ngành để thi hành ở tất cả các địa phương, các vùng của đất nước và thẩm quyền giải quyết với tính cách tư vấn cho Chính phủ về các vụ, việc quốc tế liên quan.

Muốn bảo đảm tính khoa học, tính khách quan và kịp thời loại công việc này phải huy động các phòng thí nghiệm tương súc, có các phương tiện lấy mẫu và đo lường nhanh ở những nơi có « vẩn đề » cần kết luận, phải được đầu tư bổ sung, đầu tư một số phương tiện thiết bị kỹ thuật tương ứng về môi trường trong ngân sách nhà nước.

Các cơ quan chuyên trách này, lúc cần, được sử dụng các loại phương tiện đã có của nhà nước, kề cả máy bay, tàu trên sông để lấy mẫu, để thực hiện đo lường trong một số ngày.

Những vẩn đề này, ở các nước đều ghi trong các nghị định của Hội đồng Bộ trưởng. Các nghị định về tiêu chuẩn, về lệ phí môi trường, về phạt tiền vi phạm tiêu chuẩn thải và nồng độ giới hạn cho phép sẽ được thảo luận kỹ trong tờ trình về thử nghiệm luật trước khi luật được Quốc hội phê chuẩn.

Một phương diện kinh tế khác cũng đáng được quan tâm là kinh phí nghiên cứu luật, kinh phí thử nghiệm luật và các kinh phí khi tổ chức các đợt thanh tra nhà nước để bảo vệ sự trong sạch của môi trường không khí và nước thiên nhiên cũng phải có các thông tư liên bộ bảo đảm.

Ở một số nước như Ấn Độ, Canada... đã có các vụ kiện cáo về ô nhiễm môi trường phải mời các nhóm chuyên gia quốc tế rất tốn kém.

Nước ta ở vùng có nhiều đặc thù về sự di chuyển của các khối không khí, có một số sông chảy qua biên giới, biển Đông gắn liền với các biển, các vịnh của các nước láng giềng và với Thái Bình Dương cũng là những điều kiện để vận dụng các cơ sở kinh tế – kỹ thuật của luật này

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Tổng luận bảo vệ thiên nhiên và tái tạo tài nguyên thiên nhiên. (Tiếng Nga), 1981 — 1988.
2. Quản lý và pháp luật. Sách bảo vệ môi trường xung quanh (Tiếng Nga) Kiep, KH, 1962.
3. Bảo vệ môi trường bằng pháp luật. Hội thảo khoa học, UBKHKTNN Hà Nội, 1977.